

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/12/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng
Ông Nguyễn Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô T, sinh ngày 09/12/2004. (Có mặt)

Căn cước công dân số:, ngày cấp 10/07/2022.

Địa chỉ: ấp T, xã N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: số ... đường số D, phường L, thành phố Thủ Đức.

- Bị đơn: Anh Lương B, sinh ngày 10/12/1995. (Có mặt)

Căn cước công dân số:, ngày cấp 10/04/2021.

Địa chỉ: ấp R, xã V, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: số D đường A, khu phố C, phường L, thành phố Thủ Đức.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 12/11/2025, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương B quen biết nhau, có tình cảm và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 2021. Vợ chồng chị đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2023 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ). Thời gian đầu vợ chồng chị sống chung rất hạnh phúc. Tuy nhiên, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Trong quá trình chung sống anh B không hề

vun vén cho gia đình, anh B cũng không hề đưa tiền cấp dưỡng cho chị nuôi con, chỉ khi con bệnh anh B mới đưa cho chị hai lần, tổng cộng được 6.000.000 đồng để chị đưa con đi bệnh viện nhưng anh B lại chửi chị ăn xài phung phí và trong lúc cãi nhau anh B còn đánh chị, trong khi chị phải vừa một mình nuôi con nhỏ vừa phải bán hàng online để kiếm tiền, ngoài số tiền 6.000.000 đồng này từ khi sinh con đến nay chị đều phải tự kiếm tiền nuôi con. Chị và anh B quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn xảy ra, anh B không xem chị và con là người thân, chỉ biết quan tâm gia đình anh, chị và anh B đã ly thân với nhau khoảng tháng 9/2025 đến nay. Nhận thấy đời sống chung giữa chị và anh B không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không còn tình cảm với anh B. Chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lương B.

Về con chung: Giữa chị và anh Lương B có 01 con chung cháu tên Lương K, sinh ngày 28/3/2024. Hiện nay cháu K đang được chị nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Chị không đồng ý giao cháu K cho anh B nuôi dưỡng, chị đủ điều kiện để nuôi con, hiện nay chị đang đi làm hành, làm tãi cho người ta đem ra chợ bán tại chợ Đầu Mối, chị đi làm một ngày được hơn 200.000 đồng đến 300.000 đồng, khi đi làm thì chị vẫn đem con theo để giữ luôn, cháu hiện nay còn nhỏ chưa gửi được, chị cũng dự kiến gửi cháu đi nhà trẻ nhưng cháu mới vừa hết bệnh nên chưa gửi. Chị ở trọ nhưng sống cùng với mẹ ruột của chị vẫn có khả năng tự chăm sóc nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung; nợ chung; cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Tại phiên tòa bị đơn anh Lương B trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Ngô T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị T cũng không có gì mâu thuẫn lớn dẫn đến việc chị T phải tự ý ly hôn với anh, khi sống chung nhà với gia đình anh thì chị T lười biếng, có con rồi mà ngủ đến 08-09 giờ sáng mới chịu thức, không đem con ra khỏi phòng cho ông bà nội bế cháu sớm; chị T có thái độ không đúng mực với cha mẹ chồng, ăn xài phung phí, không xem anh là chồng, thích đi về nhà mẹ ruột thì về, anh và chị T đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 9/2025 đến nay, không còn tiếng nói chung nên chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị Ngô T.

Về con chung: Anh và chị Ngô T có một con chung là cháu Lương K, sinh ngày 28/3/2024 hiện nay đúng là cháu K đang sống chung với chị T nhưng anh nhận thấy chị T không đủ điều kiện nuôi con. Với các lý do là vợ anh hiện nay đang sống ở nhà trọ cùng với mẹ vợ, không có nhà, vợ anh đang làm hành, làm tãi tại chợ Đầu Mối dẫn con đi theo ảnh hưởng sức khỏe của cháu, với do vợ anh không có ăn học nhiều nên cách dạy con cũng không được tốt, anh hiện nay đang đi làm công ty ổn định lương một tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Anh có điều kiện để nuôi con hơn chị T, anh hiện nay có nhà sống cùng nhà với cha mẹ ruột của anh, anh là con trai một, giao con cho anh nuôi dưỡng thì anh cũng gửi con về quê cho ông bà nội cháu K chăm sóc, do ông bà nội cháu K làm nông, cũng có thời gian để giữ cháu, chăm sóc cháu. Anh

không đồng ý giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi cháu K, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ và chồng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Ngô T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Lương B cư trú tại ấp ..., xã V, thành phố Cần Thơ. Nên Tòa án xác định loại kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô T và anh Lương B là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 04/5/2023 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân xã V, thành phố cần Thơ) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh B, theo chị T cho rằng hai vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn nhiều không thể giải quyết, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị và anh B đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 9/2025 đến nay, chị không còn tình cảm với anh B, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nên hôm nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lương B. Tại phiên tòa anh B cho rằng khi sống chung giữa anh và chị T cũng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tiếng nói chung hiện nay không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân để cùng nhau sống hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn. Trong cuộc sống vợ chồng của chị T và anh B đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, anh chị đã ly thân với nhau đến nay không thể hàn gắn, tại phiên tòa anh chị đã thuận tình ly hôn, hôn nhân giữa chị T và anh B là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh B.

[3] Về con chung: Chị Ngô T và anh Lương B có một con chung là cháu Lương K, sinh ngày 28/3/2024. Theo anh B và chị T đều trình bày cháu K hiện nay đang được chị T nuôi dưỡng. anh B và chị T đều có yêu cầu nuôi con, đây là yêu cầu chính đáng của cha mẹ. Xét thấy, tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”. Giữa anh B và chị T không thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định về việc giao con cho ai nuôi dưỡng. Do chị T và anh B không ai yêu cầu

cấp dưỡng nuôi con nên nhận thấy anh chị vẫn đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về điều kiện kinh tế. Cháu K hiện nay mới 01 tuổi 08 tháng 25 ngày, thuộc trường hợp còn dưới 36 tháng tuổi, cháu K đang được mẹ ruột là chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, để không làm xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu K, ổn định tâm lý trẻ em; tại phiên tòa anh B cho rằng chị T không đủ điều kiện nuôi con nhưng chỉ thể hiện bằng lời nói không có gì để chứng minh chị T không đủ điều kiện nuôi con và khi giao con cho anh B thì anh B cũng không có thời gian chăm con mà dự kiến gửi con về cho ông bà nội nuôi dưỡng. Cho nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp về mặt tâm sinh lý của cháu, phù hợp quy định pháp luật. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho anh B.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình buộc chị T và anh B mỗi người phải chịu 50% án phí hôn nhân gia đình. Chị T chịu án phí số tiền 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009497 ngày 12/11/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, hoàn trả cho chị T số tiền 150.000 đồng. Anh B phải chịu án phí số tiền 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm b khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô T và anh Lương B thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cháu Lương K, sinh ngày 28/03/2024 cho chị Ngô T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Lương T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Ngô T chịu án phí là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Ngô T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009497 ngày 12/11/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, hoàn trả cho chị Ngô T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

Buộc anh Lương B phải chịu án phí là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã V, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng